

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 416/2021/DS-ST

Ngày: 29-10-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Anh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trịnh Thị Oanh

2. Bà Hoàng Thị Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 429/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy V, sinh năm 1978- Có mặt

Trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1971 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, TT. P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967- Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, TT. P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng: anh Nguyễn Đình T1; sinh năm 1992- Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, TT. P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thúy V trình bày:**

Bà Trần Thị Thúy V và bà Phan Thị Thanh T có quan hệ quen biết thông qua người con của bà T là Nguyễn Đình T1. Năm 2016 bà V có cho bà T vay tiền nhiều lần và đến ngày 12/10/2019 hai bên tính toán và chốt lại số nợ 140.000.000 đồng. Bà Phan Thị Thanh T viết lại giấy vay và ký nhận nợ cho bà số tiền

140.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 03 tháng kể từ ngày vay tức là 12/01/2020 phải trả hết nợ, trong giấy vay không thể hiện lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận miệng là 3.080.000 đồng/tháng/140.000.000 đồng.

Mục đích vay bà V nghe bà T nói là vay để mua đất và xe để phục vụ gia đình.

Quá trình vay tính đến tháng 02 năm 2021, bà T chỉ trả tiền lãi 24.800.000 đồng, ngoài ra chưa trả được thêm khoản nợ nào khác. Nay khoản vay trên đã quá hạn, bà V đã đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng bà T vẫn chây lì không trả.

Vì vậy, bà V làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc vợ chồng bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị Thanh T cho rằng, số tiền này một mình bà T ký giấy vay dùng vào việc riêng, không mang tiền về phục vụ nhu cầu gia đình, ông Nguyễn Đình T không ký vào giấy vay tiền và không biết khoản vay trên của bà T, bà T sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ không liên quan tới ông T chồng bà. Ông T cho rằng ông không biết khoản vay trên của bà T, nên không đồng ý cùng bà T liên đới trả số tiền vay trên. Do vậy, bà V xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, bà V chỉ yêu cầu một mình bà Phan Thị Thanh T trả nợ cho bà số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay 12/10/2019 cho đến khi trả hết nợ, bà V không yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải liên đới trả nợ cùng bà T.

**Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày:** Bà T có quen biết bà Trần Thị Thúy V, trong quá trình quen biết bà T có vay bà V nhiều lần tiền cho đến năm 2016 thì tổng kết lại bà T viết giấy vay 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) tiền gốc vào ngày 10/11/2016, mục đích vay để làm việc cá nhân, không liên quan tới chồng là ông Nguyễn Đình T và bà T cũng không mang tiền về chi tiêu trong gia đình. Lãi suất vay hai bên thỏa thuận 4.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày 10/11/2016. Quá trình vay bà T đã trả rất nhiều tiền lãi cho bà V, nhưng không nhớ tiền lãi trả là bao nhiêu, lúc thì bà T trực tiếp trả, lúc thì nhờ con trai Nguyễn Đình T1 mang tiền lãi tới trả cho bà V.

Cho đến ngày 12/10/2019 bà V tính toán lại và bà V đã yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền là 140.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi triệu đồng*), Tuy nhiên: Thực tế thì bà T chỉ nợ bà V 100.000.000 đồng tiền vay gốc vào năm 2016 như đã trình bày trên. Thời hạn trả nợ là 3 tháng kể từ ngày 12/10/2019 đến ngày 20/01/2020 sẽ trả, lãi suất các bên thỏa thuận miệng là 3.000 đồng/triệu/ngày, từ ngày vay 12/10/2019 bà T đã trả lãi đầy đủ cho bà V và cũng đã trả được 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) tiền vay gốc, cho tới tháng 2 năm 2021 thì do tình hình dịch bệnh covid, bà T không có tiền để trả cho bà V nữa.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà T cùng chồng ông T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ 140.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi triệu đồng*) tiền vay gốc và tiền lãi suất là bà T không đồng ý.

Bà T xác định chỉ còn nợ bà V 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*) tiền vay gốc và chỉ đồng ý trả số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà T không có khả năng trả nợ, nên đề nghị bà V kéo dài thời hạn trả nợ cho bà T, lúc nào có tiền sẽ trả vì hiện nay bà không còn tài sản gì hết và chồng bà thì đang bị bệnh nặng.

Bà T thừa nhận giấy mượn tiền ngày 12/10/2019 là do bà viết và ký tên, nhưng đây là bà V yêu cầu bà viết, khoản vay này ông T chồng bà hoàn toàn không biết và không ký, nên không liên quan tới ông T, bà tự có trách nhiệm trả nợ 1 mình cho bà V.

**\*Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T trình bày:** Ông T là chồng bà Phan Thị Thanh T, việc bà Phan Thị Thanh T có mượn tiền của bà V hay không thì ông hoàn toàn không biết, bà T cũng không mang số tiền này về phục vụ nhu cầu gia đình và cũng không nói cho ông biết khoản vay này.

Bà V yêu cầu ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ 140.000.000 đồng và lãi suất thì ông không đồng ý, nếu bà T vay thì bà T tự trách nhiệm trả nợ cho bà V, không liên quan tới ông.

Nay ông T bị bệnh không đi lại được, ông T xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

**\*Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Nguyễn Đình T1 trình bày:** ông T là con của bà Phan Thị Thanh T, việc vay mượn tiền của mẹ ông thì ông không biết, mẹ ông chỉ nhờ ông mang tiền đến trả nợ cho bà V nhiều lần, có giấy trả lãi kèm theo và có một số lần ông trả nợ lãi nhưng do tin tưởng bà V, nên ông không yêu cầu bà V ký vào biên bản giao nhận tiền. Ngoài ra ông không biết gì thêm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:** Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 429; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy V.

Buộc bà Phan Thị Thanh T phải trả cho bà Trần Thị Thúy V tổng số tiền: 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thúy V, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn bà Phan Thị Thanh T cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị Thanh T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Đình T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Quá trình tham gia tố tụng bà V cho rằng, do mối quan hệ quen biết, năm 2016 bà cho bà T vay tiền nhiều lần, tới ngày 12/10/2019 các bên tổng kết lại và bà T đã ký xác nhận nợ bà V số tiền là 140.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay tức là 12/01/2020 phải trả nợ. Đến hạn bà T không trả được nợ gốc, mà tính đến tháng 02/2021 bà T mới chỉ trả cho bà 24.800.000 đồng tiền lãi, ngoài ra không trả thêm được bất cứ khoản tiền nào. Còn bà T thì cho rằng năm 2016 bà nhiều lần vay tiền của bà V với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, quá trình vay thì bà T đã nhiều lần trả tiền lãi cho bà V nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu, đến ngày 12/10/2019 bà V tính toán lại và yêu cầu bà viết và ký xác nhận nợ bà V 140.000.000 đồng, nhưng thực tế bà chỉ nợ bà V 100.000.000 đồng tiền vay gốc vào năm 2016 và bà T đã trả được cho bà V 10.000.000 đồng tiền vay gốc. Hiện bà chỉ nợ bà V 90.000.000 đồng tiền vay gốc, tuy nhiên bà không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

*“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

*4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.*

Xét lời khai của các đương sự trong vụ án có mâu thuẫn, Tòa án đã ra thông báo đối chất để làm rõ nội dung vụ án, nhưng bà T từ chối không tham gia đối chất. Bà V không thừa nhận lời trình bày của bà T, bà V cho rằng bà T còn nợ bà V 140.000.000 đồng tiền vay gốc, để chứng minh bà V đã cung cấp giấy vay tiền ngày 12/10/2019.

Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay tiền ngày 12/10/2019 thể hiện bà T đã vay bà V số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 12/10/2019 đến ngày 12/01/2020. Xét thấy việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, khi ký kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ, nhưng bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 BLDS 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Nên bà V thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà V số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất: Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy vay tiền do các bên xác lập không thể hiện vay có lãi. Tại phiên tòa bà V cho rằng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3.080.000 đồng/140.000.000đồng/tháng, tính đến tháng 02/2021 bà T đã trả cho bà V 24.800.000 đồng tiền lãi, còn bà T cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận miệng là 3.000 đồng/triệu/ngày, từ ngày vay (12/10/2019) bà T đã trả lãi đầy đủ và bà đã cung cấp các chứng cứ chứng minh bà đã trả tiền lãi cho bà V, tuy nhiên số tiền được thể hiện trong các chứng cứ mà bà T cung cấp để chứng minh bà đã trả tiền lãi cho bà V lại ít hơn số tiền mà bà V thừa nhận (bà V thừa nhận bà T đã trả lãi 24.800.000 đồng). Do đó để có lợi cho bị đơn, cần chấp nhận việc bà V đã thừa nhận bà V đã nhận 24.800.000 đồng tiền lãi từ bà Thủy.

Như vậy, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất.

Tại phiên tòa bà V đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay 12/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, xét yêu cầu của bà V là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Do đó, mức lãi suất được tính cụ thể như sau: Tiền lãi trên nợ gốc tính từ ngày vay 12/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/10/2021 là: 747 ngày x 140.000.000 đồng x 10% : 365 ngày = 28.652.000 đồng.

Bà V thừa nhận từ ngày vay đến tháng 02/2021 bà T đã trả 24.800.000 đồng tiền lãi, do vậy số tiền lãi bà T còn phải trả cho bà V là: 28.652.000 đồng - 24.800.000 đồng = 3.852.000 đồng (*Ba triệu, tám trăm, năm mươi hai nghìn đồng*).

Như vậy, cần buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà V tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 140.000.000 đồng + 3.852.000 đồng = 143.852.000 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà V được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.192.600 đồng (theo mức 143.852.000 đồng x 5%).

[6] Xét thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là hoàn toàn có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự.*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy V.

Buộc bà Phan Thị Thanh T phải trả cho bà Trần Thị Thúy V tổng số tiền: 143.852.000 đồng (*một trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Trong đó: Tiền vay gốc là 140.000.000 đồng; tiền lãi suất 3.852.000 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[2] Về án phí: Bị đơn bà Phan Thị Thanh T phải chịu 7.192.600 đồng (bảy triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy V được nhận lại 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 60AA/2021/0006392, ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Chu Anh Hùng**